TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65**/2023/HS-ST
Ngày: 03/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Bùi Trọng Danh**
Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hà**
Ông **Đoàn Ngọc Đăng**

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông **Phan Hồng Lĩnh** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: Bà **Võ Thị Hải Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử trực tuyến tại 02 điểm cầu (Điểm cầu trung tâm: Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; Điểm cầu thành phần: Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng) để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 81/2023/QĐXXST-HS ngày 26/6/2023 đối với bị cáo:

VÕ THỊ T, sinh ngày xx/xx/19xx tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Tổ xx, Ấp xx, xã AP, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12, Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ K và bà Nguyễn Thị T1*;* Có chồng là Phạm Dũng S và có 03 con *(con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2018)*. Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 23/12/2020, bị Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai xử phạt 25.000.000 đồng về tội "Đánh bạc". *(Chưa chấp hành)*

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/2/2023, hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

** Tham gia tại điểm cầu trung tâm (Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng) gồm có:* Hội đồng xét xử, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng và Thư ký phiên tòa.

** Bị hại:*

1. Bà **C-H**, sinh năm 19xx; Nơi ĐKNKTT: No.15xx, 2xx-DONG, xx J-G, C-G, Y-S, G-D, SOUTH KOREA. Chỗ ở: 3xx Võ Nguyên Giáp, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà **Trương Thị Yến N**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: xx Đỗ Thúc Tịnh, phường KT, quận C, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà **Nguyễn Thanh G**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: K1xx/Hxx/x Ông Ích Khiêm, phường TT, quận H, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

4. Bà **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Ấp XT, xã LA, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị Thu T2**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: xx/xx Dũng Sỹ Thanh Khê, tổ xx, phường TT, quận T, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Ấp TH, xã XT, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt.

3. Ông **Phạm Dũng Sỹ**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Tổ xx, ấp xx, xã AP, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt.

4. Ông **Nguyễn Hữu Tâm**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Tổ xx khu xx, xã LD, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt.

** Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Kha Thanh B**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Tổ xx, phường HM, quận L, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Tham gia tại điểm cầu thành phần (Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng) gồm có:*

- *Bị cáo:* **Võ Thị T;**

- *Các cán bộ, chiến sỹ của Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng:*

+ Ông **Nguyễn Đăng Khánh;** *Chức vụ:* Cán bộ;

+ Ông **Đặng Công An;** *Chức vụ:* Cán bộ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 28/01/2023 đến ngày 17/02/2023, Võ Thị T đến siêu thị và các cửa hàng ăn uống trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Đồng Nai, để trộm cắp tài sản của nhiều người, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 28/01/2023, Võ Thị T đến cửa hàng Lotteria, khu vực chợ mới L, thị trấn L, tỉnh Đồng Nai lấy trộm của bà **Nguyễn Thị Hồng T** 01 balo bên trong có số tiền 5.900.000 đồng và giấy tờ tùy thân. T lấy tiền và vứt giấy tờ vào thùng rác. Số tiền trộm cắp, T tiêu xài hết.

Lần thứ hai: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 16/02/2023, T đi đến tầng 3 của Siêu thị Go, phường VT, quận T, thành phố Đà Nẵng thấy bà **Nguyễn Thanh G** để ví ở xe đẩy hàng, lợi dụng lúc bà G không để ý, T đã lấy trộm ví, bên trong có 01 điện thoại Iphone XS max, trị giá 4.500.000 đồng; 01 thẻ ngân hàng; 01 thẻ siêu thị; 01 chùm chìa khóa. T lấy điện thoại di động nhờ bạn là Nguyễn Thanh H đem bán, còn những vật còn lại thì vứt đi cùng chiếc vi nhưng không nhớ địa điểm vứt. H hỏi nguồn gốc điện thoại thì T nói nhặt được. H đem điện thoại bán ở đường Trần Cao Vân (không xác định được địa chỉ cụ thể) được 750.000 đồng và đưa cho T. Cơ quan điều tra không thu giữ được điện thoại này.

Lần thứ ba: Khoảng 09 giờ ngày 17/02/2023, T đi đến Khoa siêu âm, Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng, thấy bà **Trương Thị Yến N** đang ngồi ở hàng ghế chờ trước phòng siêu âm. Khi bà N vào phòng siêu âm nhưng vẫn để túi xách trên ghế, T đã tiếp cận, lục trong túi xách lấy trộm 01 ví cầm tay để các giấy tờ tùy thân; 01 điện thoại Iphone 13 pro max, trị giá 23.200.000 đồng. Sau đó, T nói với Nguyễn Thanh H đã nhặt được diện thoại và nhờ H bán, H đem điện thoại đến tiệm cầm đồ số xxx-xxx Trần Cao Vân, Đà Nẵng bán cho bà Nguyễn Thị Thu T2 được 8.500.000 đồng và đưa số tiền này cho T. Khi biết điện thoại do trộm cắp mà có, bà T2 đã giao nộp cho cơ quan Công an.

Lần thứ tư: Khoảng 16 giờ ngày 17/02/2023, bà **C-H** (quốc tịch: Hàn Quốc) đến cửa hàng KFC, tầng 2 siêu thị Go, phường VT, quận T, Đà Nẵng để mua thức ăn. Bà C-H ngồi ở bàn ăn và để túi xách phía sau. Lợi dụng lúc bà C-H không để ý, Võ Thị T đã đi đến lấy trộm túi xách bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Realme và số tiền 2.700.000 đồng rồi bỏ đi ra ngoài. Lúc này, anh Nguyễn Kha Thanh B (là nhân viên an ninh của siêu thị Go) phát hiện hành vi trộm cắp của T nên bắt quả tang và giao cho Công an phường VT xử lý.

Vật chứng thu giữ:

- Một túi xách GUCCI, màu đỏ của bà C-H. Cơ quan điều tra đã trả lại vật chứng này cho bà C-H;

- 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh, số IMEI 8607500428xxxxx, gắn sim số 0392.10xxxx của Võ Thị T;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 pro max, số IMEI 1: 3588636691xxxxx, số IMEI 2: 3588636690xxxxx do bà Nguyễn Thị Thu T2 giao nộp. Cơ quan điều tra đã trả lại vật chứng này cho bà Trương Thị Yến N;

Với nội dung nêu trên, tại bản cáo trạng số 74/CT-VKS-P2 ngày 12/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Võ Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thị T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố đối với bị cáo là đúng

người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm trở về, lao động chăm sóc cho các con.

Bà Nguyễn Thanh G yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng do tài sản bị mất chứa dữ liệu quan trọng nhưng không thu hồi được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Võ Thị T về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, qua đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Thị T phạm tội *"Trộm cắp tài sản";*

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị T từ 24 đến 30 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự, đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thanh G số tiền 20.000.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 5.900.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu T2 số tiền 8.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh, gắn sim số 0392.106.805 của Võ Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Người bị hại là bà C-H có quốc tịch Hàn Quốc đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập nhưng bà có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Các bị hại Trương Thị Yến N, Nguyễn Thị Hồng T đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập. Bà N đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Xét việc vắng mặt của người bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[3]. *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, lời khai của người bị hại, người liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 28/01/2023 đến ngày 17/02/2023, để có tiền tiêu xài, Võ Thị T đã đến cửa hàng Lotteria (thuộc huyện L, tỉnh Đồng Nai); siêu thị Go và bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng, lợi dụng sơ hở của các bị hại và lén lút thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 36.300.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo Võ Thị T là đủ các yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, bản cáo trạng số 74/CT-VKS-P2 ngày 12/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. *Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:*

Quyền sở hữu về tài sản luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến khách thể nói trên một cách trái pháp luật đều sẽ bị pháp luật trừng trị, tùy theo tính chất, mức độ do hành vi trái pháp luật đó gây ra. Bị cáo Võ Thị T là người có đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cho mục đích cá nhân, bị cáo bất chấp sự trừng trị của pháp luật, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của 04 bị hại trong đó có bà C-H là người mang quốc tịch Hàn Quốc. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và hình ảnh của thành phố Đà Nẵng nói riêng, của Việt Nam nói chung trong hoạt động du lịch, gây tâm lý lo lắng cho người dân và du khách. Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án về hành vi Đánh bạc bị Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai xử phạt bằng hình thức phạt tiền, nhưng đến nay vẫn chưa chấp hành. Do đó cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm, đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

[5.1] *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo Võ Thị T 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp đối với 04 bị hại; có 01 tiền án về hành vi Đánh bạc đến nay chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.2] *Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; quá trình điều tra, bị cáo tự thú, khai ra lần phạm tội trước đó nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự*:

Đối với người bị hại là bà C-H, bà Trương Thị Yến N vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên, bà C-H và bà N đã nhận lại các tài sản bị chiếm đoạt, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử xem xét đề nghị của các bị hại và giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với người bị hại là bà Nguyễn Thanh G, tại phiên tòa, bà G khai điện thoại di động mà bị cáo T trộm cắp được bà mua với giá 30.000.000 đồng, trong đó chứa nhiều dữ liệu quan trọng nhưng đến nay không thu hồi được, vì vậy bà G yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo Võ Thị T đồng ý bồi thường cho bà G số tiền 20.000.000 đồng. Xét thỏa thuận giữa bị cáo T và bà G là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo T phải bồi thường cho bà G số tiền 20.000.000 đồng.

Đối với bị hại là bà Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra, bà T yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 5.900.000 đồng đã chiếm đoạt. Xét yêu cầu của bà T là có cơ sở nên buộc bị cáo T phải bồi thường cho bà T số tiền 5.900.000 đồng.

Đối với bà Nguyễn Thị Thu T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.500.000 đồng, xét yêu cầu của bà T2 là có cơ sở nên buộc bị cáo T phải bồi thường cho bà T2 số tiền 8.500.000 đồng.

[7]. *Về xử lý vật chứng:*

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh, gắn sim số 0392.106.805 là tài sản của Võ Thị T, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

[8]. *Những vấn đề khác có liên quan trong vụ án:*

- Quá trình điều tra, Võ Thị T khai ngày 16/02/2023 đã trộm cắp 01 ví bên trong có 2.600.000 đồng tại tầng 2 siêu thị Go. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo tìm người bị hại nhưng đến nay không có kết quả nên không có cơ sở để xử lý.

- Đối với Nguyễn Thanh H có 02 lần giúp T bán điện thoại mà T trộm cắp, tuy nhiên H khai không biết 02 điện thoại này là tài sản do phạm tội mà có. Sau khi vụ án chuyển đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng thì không triệu tập được H; tiến hành xác minh xác định H không có mặt tại nơi đăng ký thường trú nên cơ quan điều tra tách ra làm rõ xử lý sau là phù hợp.

- Đối với bà Nguyễn Thị Thu T2 là người mua lại điện thoại nhưng không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

[9]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. ***Về tội danh:*** Tuyên bố bị cáo **Võ Thị T** phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

II. ***Về hình phạt:*** *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo ***Võ Thị T:*** **24 (hai mươi bốn) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam, ngày 18/02/2023.

III. ***Về trách nhiệm dân sự:*** Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Võ Thị T phải:

Bồi thường cho bà Nguyễn Thanh G số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 5.900.000 đồng (Năm triệu, chín trăm nghìn đồng);

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu T2 số tiền 8.500.000 đồng (Tám triệu, năm trăm nghìn đồng);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu thêm khoản lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự. Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. ***Về xử lý vật chứng:*** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên:

Trả lại cho bị cáo Võ Thị T 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh, số IMEI 860750042896695, gắn sim có ký hiệu 8984-04800-03322-74697 (0392.106.805), nhưng tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng trên hiện đang được Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng bảo quản theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/6/2023)

V. ***Về án phí*****:** Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.720.000 đồng (Một triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

VI. ***Về quyền kháng cáo:***

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATPĐN;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Trọng Danh